

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2017/DS-ST
Ngày: 22/9/2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trường Hải;

Ông Phạm Xuân Hào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 346/2016/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2016 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số nhà 129, ấp B, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng L, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1978; Địa chỉ: 84/85, ấp E, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Vào ngày 09 tháng 7 năm 2014, ông Nguyễn Văn D có cho ông Nguyễn Hồng L vay số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), khi cho vay có làm giấy vay mượn tiền, ông L có ký tên và lấn tay vào, thời hạn trả tiền theo thỏa thuận là 09/8/2014, theo giấy vay tiền, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Khi vay tiền, ông L có giao cho ông D 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Hồng L và bà Đỗ Thị M để làm tin. Quá thời hạn, mặc dù ông D đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông D. Do đó, ông D khởi kiện yêu

cầu Tòa án buộc ông L có trách nhiệm trả cho ông D số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) và lãi suất tính theo quy định của pháp luật từ ngày 10/8/2014.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Nguyễn Hồng L trình bày:

Ông L thừa nhận có vay tiền của ông D, tuy nhiên số tiền vay không phải là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), thực tế ông L chỉ vay của ông D số tiền 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng), vay trong 03 lần. Cụ thể các lần vay như sau:

+ Lần thứ nhất: Vào năm 2012 (không nhớ ngày tháng cụ thể), ông L có vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) của ông D, việc vay tiền này có làm giấy vay tiền và có ra Ủy ban nhân dân xã A chứng thực giấy vay tiền nói trên, giấy vay tiền do ông D giữ.

+ Lần thứ hai: Vào năm 2012 (không nhớ ngày tháng cụ thể), ông L vay tiếp của ông D số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Lần vay này cũng có làm giấy vay tiền tại nhà ông D, ghi giấy vay tiền cộng với lần vay trước, tổng cộng là 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng), giấy vay tiền do ông D giữ.

+ Lần thứ ba: Sau đó (không nhớ rõ thời gian nào), ông L vay tiếp của ông D số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng), lần vay này không làm giấy vay tiền.

Tổng cộng ông L vay của ông D 03 lần với tổng số tiền là 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng), đối với số tiền vay của ông D thì ông chưa thanh toán được khoản tiền gốc, tiền lãi nào. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông không đồng ý, ông chỉ đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ năm 2012 đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị M trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Hồng L, tuy nhiên ông, bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2012 đến nay. Bà hoàn toàn không biết gì về việc ông L vay tiền của ông D, cũng không biết gì về việc ông L đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà đi thế chấp cho ông D. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà có ý kiến: Việc vay tiền giữa ông L và ông D thì bà không biết, bà không có ý kiến gì, giữa ông D và ông L tự giải quyết với nhau, còn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà và ông L là tài sản chung giữa bà và ông L chưa được phân chia, khi ông L vay tiền không nói với bà mà cũng không phải vay vì mục đích chi tiêu chung trong gia đình nên không được lấy tài sản chung giữa bà và ông L để trả nợ cho ông D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được HĐXX xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy nguyên đơn căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 09/7/2014 khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 130.000.000đ theo giấy nợ đề ngày 09/7/2014 nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại ấp C, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bị đơn Nguyễn Hồng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 09 tháng 7 năm 2014, ông Nguyễn Văn D có cho ông Nguyễn Hồng L vay số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), khi cho vay có làm giấy Biên nhận về việc giúp nhau làm kinh tế gia đình (gọi tắt là Giấy vay tiền), ông L có ký tên và lấn tay vào, thời hạn trả tiền theo thỏa thuận là 09/8/2014, theo giấy vay tiền, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Khi vay tiền, ông L có giao cho ông D 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Hồng L và bà Đỗ Thị M để làm tin, không có đăng ký thế chấp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L có trách nhiệm trả cho ông D số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) và lãi suất tính theo quy định của pháp luật từ ngày 10/8/2014.

Bị đơn ông L cho rằng: Ông có vay tiền của ông D, nhưng ông chỉ vay tổng cộng ba lần là 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng), không phải 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) như ông D trình bày, ông L thừa nhận có ký tên và lấn tay vào giấy Biên nhận vay tiền ngày 09/7/2014, nhưng ông cho rằng số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) là do ông D đã cộng cả tiền gốc và tiền lãi vào.

Ông D không thừa nhận nội dung như ông L trình bày, ông chỉ cho ông L vay tiền 01 lần là 130.000.000đ, không phải vay 03 lần tổng cộng là 58.000.000đ (năm mươi tám triệu đồng), ông cũng không nói với ông L việc ông cộng tiền lãi vào tiền gốc nhưng ông L không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh việc ông vay tiền là từ năm 2012, vay ba lần là 58.000.000đ cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh là số tiền 130.000.000đ trong giấy vay tiền ngày 09/7/2014 là đã cộng cả gốc và lãi nên HĐXX không có cơ sở để xem xét ý kiến của ông L.

Đồng thời, ông L trình bày rằng khi ông D làm giấy vay tiền vào năm 2012 cũng như khi làm lại giấy vay tiền ngày 09/7/2014 thì có ra UBND xã A chứng thực giấy vay tiền có sự chứng kiến của ông Ngô Quang K là cán bộ tư pháp xã A. Tuy nhiên, qua xác minh tại UBND xã A thì ông Ngô Quang K cho biết, việc vay mượn tiền giữa ông D và ông L ông không biết, ông chỉ cho ông D và ông L mượn hộp mực để lấn tay còn lấn tay vào nội dung gì thì ông không biết.

Từ đó cho thấy việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật, HĐXX có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bị đơn phải

thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc 130.000.000đ và lãi suất theo quy định.

Theo Giấy biên nhận v/v Hợp đồng giúp nhau làm kinh tế gia đình ngày 09/7/2014 do nguyên đơn cung cấp thì đại diện bên cho vay là chồng Nguyễn Văn D, vợ Doãn Thị H, tuy nhiên ông D và bà H đã ly hôn và năm 2011 (trước khi việc vay tiền giữa ông D và ông L xảy ra). Do đó, bà Doãn Thị H không liên quan gì đến việc vay tiền giữa ông D và ông L, HĐXX cũng không xác định bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đối với bà Đỗ Thị M là vợ của ông L, tuy chưa làm thủ tục ly hôn nhưng ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2012 đến nay, bà M không biết gì về việc vay tiền giữa ông D và ông L, ông D cũng thừa nhận ông chỉ cho ông L vay tiền, không phải là cho cả ông L và bà M vay tiền, ông D cũng không yêu cầu bà M phải liên đới trả nợ nên HĐXX không xem xét nghĩa vụ của bà M trong việc liên đới trả nợ cho ông D.

Về tiền lãi: Các đương sự không thống nhất được tiền lãi nên HĐXX tính lại lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Quyết định 2868/QĐ - NHNN ngày 29/11/2010 quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam của Thống đốc ngân hàng như sau: Tiền lãi tính từ ngày 10/8/2014 đến ngày 22/9/2017 là 37 tháng 12 ngày = $(130.000.000đ \times 9/100 \times 3 \text{ năm}) + (130.000.000đ \times 9/100/12 \times 1 \text{ tháng}) + (130.000.000đ \times 9/100/12/30 \times 12 \text{ ngày}) = 36.465.000đ$. Tổng số tiền mà ông L phải thanh toán cho ông D là 166.465.000đ.

Đối với bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Hồng L và bà Đỗ Thị M thì ông D phải có trách nhiệm trả lại cho ông L khi ông L thanh toán hết số tiền nợ cho ông D.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 305, 471, 474, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Các Điều 357, 463, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/QH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng L.

2. Buộc ông Nguyễn Hồng L trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền 166.465.000đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn D phải trả lại cho ông Nguyễn Hồng L bản chính Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất của phần đất diện tích 3.118m², thuộc thửa số 543, tờ bản đồ số 24, đất tọa lạc tại ấp C, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương do Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Hồng L và Đỗ Thị M ngày 09/8/2015 khi ông L thanh toán hết số tiền nợ cho ông D.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hồng L phải nộp 8.323.000 đồng (Tám triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn D số tiền 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0016439 ngày 21/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Khoa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM THẨM PHÁN- CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Khoa